

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2017/DSST**.

Ngày: 17/8/2017.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Dương Thế Hà.
2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký TAND huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường nhà văn hóa thôn 6, xã N, huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2017/TLST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2017; về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 17/2017/TB-TA, ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1972; Bà Trần Thị T, sinh năm 1973; Cùng trú địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (Đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị S).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S yêu cầu:

Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông T phải trả số tiền vay gốc là 520.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2016 đến ngày 22/01/2017, vợ chồng bà T, ông T đã vay của bà S tổng cộng

520.000.000đ, gồm các lần: lần thứ nhất vào ngày 25/8/2016, vợ chồng bà T vay 300.000.000đ; lần thứ hai vào ngày 28/8/2016 vợ chồng bà T tiếp tục vay số tiền 70.000.000đ và lần ba vào ngày 23/11/2016 vợ chồng bà T vay số tiền 50.000.000đ; lần thứ tư vào ngày 22/01/2017 vợ chồng bà T vay số tiền 100.000.000đ. Hai bên có viết giấy vay tiền giao bà S giữ. Sau khi vay, nhiều lần bà S yêu cầu vợ chồng bà T trả tiền vay nhưng vợ chồng bà T không thực hiện.

Bị đơn - bà Trần Thị T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà T không đồng ý với số nợ 520.000.000đ mà bà S khởi kiện. Bà T công nhận hiện nay chỉ còn nợ bà S số tiền 420.000.000đ. Đối với các giấy tờ căn cứ khởi kiện mà bà S đã nộp thì bà T thừa nhận, riêng đối với hai giấy vay tiền ngày 28/8/2016 (vay 50.000.000đ) và 23/11/2016 (vay 50.000.000đ), bà T công nhận có ký nhận, nhưng sau khi vay 100.000.000đ này bà T đã trả góp đủ cho bà S. Bà T đồng ý trả 420.000.000đ cho bà S. Bà T xác định số tiền hiện còn nợ của bà S là nợ riêng của bà T, nên bản thân bà T sẽ tự trả cho bà S chứ không liên đới đến nghĩa vụ trả nợ của ai khác.

Trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện: bị đơn ông Nguyễn T đang sinh sống tại Thôn 7, xã N, huyện Tánh Linh. Mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S và Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập, niêm yết giấy triệu tập cho ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T, ông T vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà S số tiền đã vay là 520.000.000đ. Buộc vợ chồng bà T, ông T phải nộp 24.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng bà T, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Riêng người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Đức M vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà S. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Do từ khoảng tháng 8/2016 đến tháng 01/2017, vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn T nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị S nhưng sau đó không trả tiền vay nên bà S đã khởi kiện vợ chồng bà T tại Tòa án, yêu cầu phải trả số tiền đã vay. Bị đơn bà T công nhận có vay tiền của bà S, nhưng không thống nhất được số tiền phải trả. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 520.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bởi vì trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2016 đến ngày 22/01/2017, vợ chồng bà T, ông T đã vay của bà S tổng cộng 520.000.000đ, bao gồm: lần thứ nhất vào ngày 25/8/2016, vợ chồng bà T vay 300.000.000đ; lần thứ hai vào ngày 28/8/2016 vợ chồng bà T tiếp tục vay số tiền 70.000.000đ và lần ba vào ngày 23/11/2016 vợ chồng bà T vay số tiền 50.000.000đ; lần thứ tư vào ngày 22/01/2017 vợ chồng bà T vay số tiền 100.000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà S đã cung cấp các giấy vay tiền có chữ ký của bà T, ông T.

Thể hiện trong những tài liệu, chứng cứ đã T thập được có trong hồ sơ; tại bút lục số 24 thì bà Trần Thị T công nhận có vay tiền của bà S theo số tiền vay gốc và từng thời điểm vay như bà S đã trình bày; bà T công nhận chữ ký trong các giấy vay tiền do bà S cung cấp là chữ ký của bà T. Nhưng bà T cho rằng trong tổng số tiền gốc 520.000.000 đồng đã vay thì bà T đã trả được cho bà S số tiền 100.000.000 đồng dưới hình thức trả góp hàng ngày; hiện nay bà T chỉ còn thiếu bà S 420.000.000 đồng và đây là nợ riêng của bà T chứ không liên quan đến nghĩa vụ của ông T vì việc bà T vay tiền của bà S thì ông T không biết. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử xét

thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 BLDS 2015.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Quá trình thu thập chứng cứ đã xác định được hiện nay bà T và ông T là vợ chồng, vẫn đang sống và làm ăn chung với nhau, bà T thực hiện việc vay tiền của bà S phục vụ cho việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, đồng thời bà T vay bà S với số tiền lớn thì ông T phải biết. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định số tiền mà bà T còn nợ của bà S là nợ chung của vợ chồng bà T, ông T. Theo đó cần buộc vợ chồng bà T, ông T cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà S là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014.

Từ phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần buộc vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn T có trách nhiệm liên đới phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S – ông Nguyễn Đức M số tiền **520.000.000đ**; chia phần: bà Trần Thị T phải trả 260.000.000 đồng và ông T phải trả 260.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về án phí: Cần buộc vợ chồng bà T, ông T phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà S là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS;
- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S số tiền **520.000.000đ**. Chia phần bà Trần Thị T phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M số tiền 260.000.000 đồng và ông Nguyễn T phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M số tiền 260.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn T phải liên đới nộp 24.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần bà Trần Thị T phải nộp 12.400.000 đồng án phí DSST và ông Nguyễn T phải nộp 12.400.000 đồng án phí DSST.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 6.200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011882, ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2017. Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ